

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2015-2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên học phần: Địa chất các mỏ khoáng +
TH

Mã học phần/Mã nhóm: 4040401 nhóm 03

Số tín chỉ: 3

Tên CBGD: Nguyễn Quang Luật

Mã CBGD: 0404-02

Trang 1 2

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1321020411	Nguyễn Hoàng Anh	18/03/95	DCDCDC_58B	7	7	3.5	9	6.5	8	8	8	7.0	
2	1321020423	Trần Ngọc ánh	01/06/95	DCDCDC_58B	9	7.5	6.5	9	7.7	9	9	9	8.6	
3	1321020428	Lê Thanh Bắc	25/10/94	DCDCDC_58A	7.5	10	8.5	9	9.2	9	9	9	8.2	
4	1321020430	Nguyễn Khương Bình	07/06/93	DCDCDC_58B	7	7	8.5	9	8.2	9	9	9	7.6	
5	1321020027	Phan Thị Chinh	01/04/95	DCDCDC_58B	8.5	8	9	9	8.7	9	9	9	8.6	
6	1321020439	Nguyễn Hoàng Chinh	18/01/95	DCDCDC_58B	8	9	8.5	9	8.8	9	9	9	8.3	
7	1321020030	Trần Văn Chương	18/11/95	DCDCDC_58B	8.5	6.5	6.5	9	7.3	9	9	9	8.2	
8	1321020445	Đỗ Mạnh Cường	01/05/95	DCDCDC_58A	9	8.5	9	9	8.8	9	9	9	8.9	
9	1321020040	Hà Thị Bích Diệp	09/03/95	DCDCDC_58B	9	7	9.5	9	8.5	9	9	9	8.9	
10	1221060027	Lý Văn Dương	07/06/94	DCDCDC57A		0	0	0		0	0			Cấm thi vì nợ học phí
11	1321020474	Đinh Quốc Đạt	04/04/95	DCDCDC_58B	7	9.5	6	9	8.2	9	9	9	7.6	
12	1321020069	Ngô Hải Đoàn	12/10/95	DCDCDC_58B	8.5	10	8	9	9	9	9	9	8.7	
13	1321020494	Nguyễn Văn Đông	07/06/94	DCDCDC_58B	8.5	6	4	9	6.3	9	9	9	7.9	
14	1321020523	Nguyễn Đình Hạnh	08/10/95	DCDCDC_58B	8	7	7.5	9	7.8	8	8	8	7.9	
15	1321020524	Trần Thị Hạnh	10/04/94	DCDCDC_58A	8	6	7	9	7.3	8	9	8.5	7.8	
16	1321020526	Nguyễn Thị Hào	05/01/95	DCDCDC_58B	9	8.5	9.5	9	9.0	9	9	9	9.0	
17	1321020090	Nguyễn Thị Hằng	17/01/95	DCDCDC_58B	9	9.5	8	9	8.8	9	9	9	8.9	
18	1321020098	Cành Chi Hiếu	23/06/95	DCDCDC_58B	7	9	7	9	8.3	8	9	8.5	7.5	
19	1321020102	Nguyễn Thị Hoa	30/10/95	DCDCDC_58B	8.5	6.5	9.5	9	8.3	9	9	9	8.5	
20	1321020555	Lê Văn Hùng	23/07/95	DCDCDC_58B	8.5	8	5.5	9	7.5	9	9	9	8.3	
21	1321020567	Nguyễn Quang Huy	20/09/94	DCDCNK58	8.5	9.5	9.5	9	9.3	9	9	9	8.8	
22	1321020124	Vì Văn Hương	16/02/95	DCDCDC_58B	8.5	7	8	9	8	8	9	8.5	8.4	
23	1321020590	Trần Quang Khánh	26/03/95	DCDCDC_58B	8	8.5	6	9	7.8	7	8	7.5	7.9	
24	1321020145	Lê Thị Ngọc Mai	21/10/95	DCDCDC_58B	8.5	8	8.5	9	8.5	8	9	8.5	8.5	
25	1321020621	Nguyễn Thị Mai	20/10/95	DCDCDC_58B	8.5	9.5	6.5	9	8.3	9	9	9	8.5	
26	1321020634	Nguyễn Duy Anh Minh	19/05/95	DCDCDC_58A	8	8.5	7.5	9	8.3	8	9	8.5	8.1	
27	1321020152	Lâm Văn Mừng	27/08/95	DCDCDC_58B	7.5	7.5	8	9	8.2	9	9	9	7.9	
28	1321020153	Đinh Phương Nam	20/08/94	DCDCDC_58B		6.5	7	9		7	8			Cấm thi vì nợ học phí
29	1321020654	Phan Văn Ngọc	10/08/94	DCDCDC_58A	8.5	6	9	9	8	8	9	8.5	8.4	
30	1321020658	Trần Bá Nhật	26/02/95	DCDCDC_58B	8	8	7.5	9	8.2	9	9	9	8.2	

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2015

Cán bộ chấm thi 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thu Thu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Phòng Đào tạo Đại học

Cán bộ chấm thi 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quang Luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2015-2016

Tên học phần: Địa chất các mỏ khoáng +
TH

Mã học phần/Mã nhóm: 4040401 nhóm 03

Số tín chỉ: 3

Tên CBGD: Nguyễn Quang Luật

Mã CBGD: 0404-02

Trang 2 2

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
-----	-------	------------------	-----------	-----	---	----	----	----	---	----	----	---	------	---------

31	1321020163	Nguyễn Mạnh Phúc	24/08/95	DCDCDC_58B	8	6.5	7	9	7.5	9	9	9	8.0
32	1321020167	Phạm Thị Thúy Phương	08/08/95	DCDCDC_58B	9	6.5	6	9	7.2	8	9	8.5	8.4
33	1321020678	Nguyễn Ích Quang	07/02/95	DCDCDC_58B	8	10	10	9	9.7	9	9	9	8.6
34	1321020170	Nguyễn Xuân Quang	22/04/95	DCDCDC_58B	8.5	10	7	9	8.7	9	9	9	8.6
35	1321020682	Hoàng Văn Quân	16/01/95	DCDCDC_58A	9	9	9	9	9	9	9	9	9.0
36	1321020685	Nguyễn Trọng Quân	28/04/95	DCDCDC_58B	8	7.5	7.5	9	8.0	9	9	9	8.1
37	1321020176	Lưu Xuân Quý	12/09/93	DCDCDC_58B	8.5	8.5	7.5	9	8.3	9	9	9	8.5
38	1321020693	Nguyễn Huệ Quỳnh	04/04/95	DCDCDC_58B	8.5	9	9	9	9	9	9	9	8.7
39	1321020695	Bùi Hoàng Sơn	13/05/95	DCDCDC_58B	7.5	8.5	4	9	7.2	7	8	7.5	7.4
40	1321020197	Đặng Đình Thao	09/09/93	DCDCDC_58B	8.5	8	6.5	9	7.8	9	9	9	8.3
41	1321020205	Nguyễn Thị Thoa	31/05/94	DCDCDC_58B	8.5	7	9	9	8.3	9	9	9	8.5
42	1321020758	Trần Minh Toàn	19/05/95	DCDCDC_58B	8.5	10	7	9	8.7	9	9	9	8.6
43	1321020759	Trần Văn Toàn	10/07/95	DCDCDC_58B	8.5	6.5	10	9	8.5	9	9	9	8.6
44	1321020762	Trần Thị Thu Trang	16/09/95	DCDCDC_58B	9	9.5	6	9	8.2	9	9	9	8.8
45	1321020263	Phùng Tài Trần	10/09/94	DCDCDC_58B	8.5	5	5.5	9	6.5	9	9	9	8.0
46	1321020783	Lê Văn Tuấn	23/03/95	DCDCDC_58B	8	7	8	9	8	9	9	9	8.1
47	1321020787	Nguyễn Đăng Tuấn	02/06/95	DCDCDC_58B	8.5	9	9	9	9	9	9	9	8.7
48	1321020244	Nguyễn Duy Tùng	20/06/93	DCDCDC_58B	7.5	6	8.5	9	7.8	9	9	9	7.7
49	1321020245	Nguyễn Đức Tùng	17/08/95	DCDCDC_58B	7.5	8.5	7	9	8.2	9	9	9	7.9
50	1321020256	Cao Văn Vương	14/03/95	DCDCDC_58B	8.5	8	7	9	8	9	9	9	8.4
51	1321020817	Bùi Thị Hà Xuyên	12/01/95	DCDCDC_58B	8.5	8.5	7.5	9	8.3	9	9	9	8.5

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2015

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Thị Thu

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Quang Luật